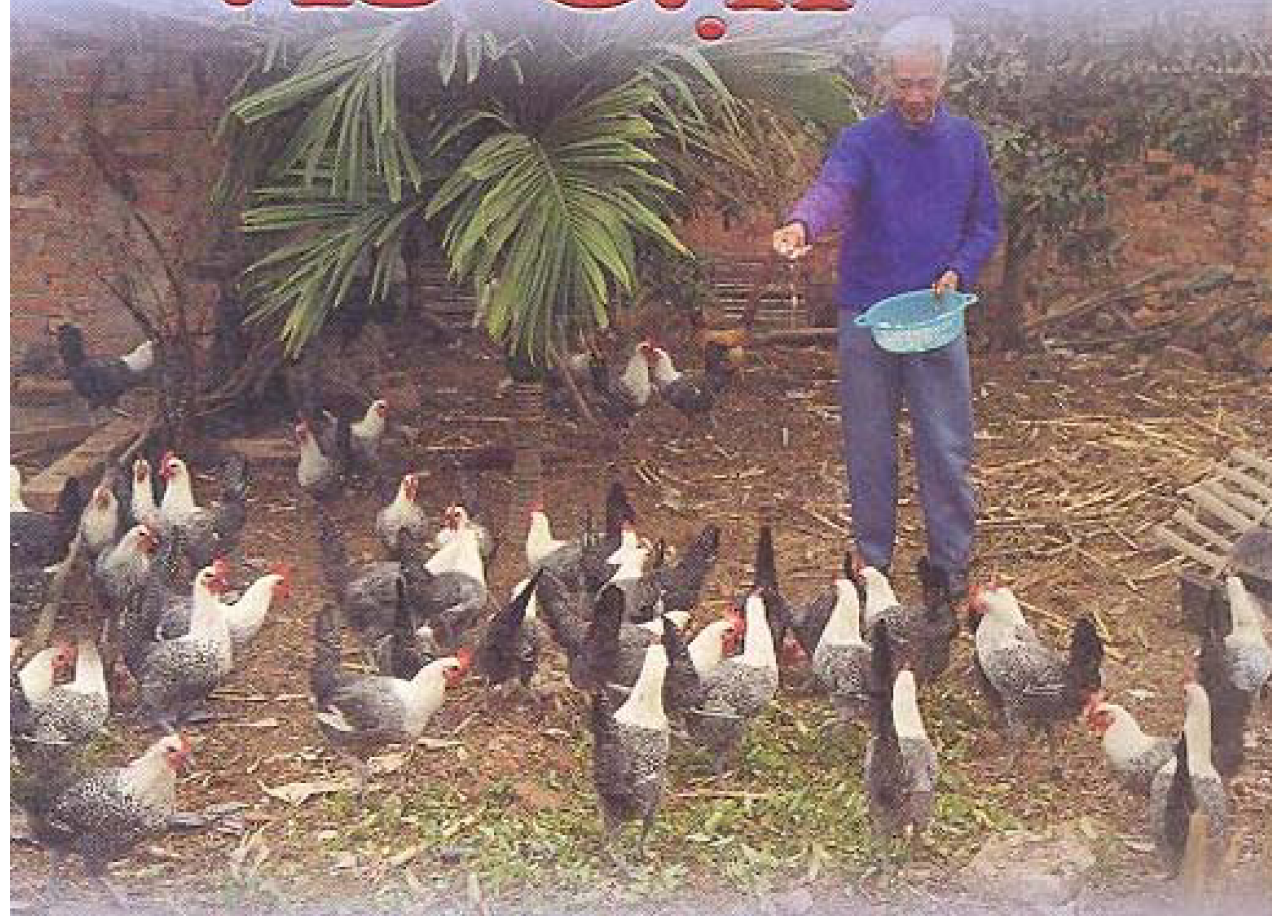


VIỆN CHĂN NUÔI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG



Hướng dẫn KỸ THUẬT NUÔI GÀ **ĐI CẬP**



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

VIỆN CHĂN NUÔI
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU GIA CẦM THỤY PHƯƠNG

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT
NUÔI GÀ AI CẬP

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI - 2002

Ban biên soạn:

TS. Phùng Đức Tiến

TS. Trần Công Xuân

KS. Nguyễn Thị Mười

Ths. Lê Thu Hiền

LỜI GIỚI THIỆU

Trong các giống gà nội Việt Nam: Ri, Mía, Đông Tảo, gà Hồ,... thì gà Ri được coi là giống gà kiêm dụng hướng trứng và có chất lượng thịt thơm ngon nhất. Tuy nhiên, sản lượng trứng chỉ đạt 80-110 quả/mái/năm, khối lượng trứng bé 38-40 g/quả. Với năng suất thấp như vậy, nuôi gà Ri chưa thật sự mang lại hiệu quả kinh tế.

Nhằm đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia cầm hướng trứng trong nông hộ, năm 1997 Bộ Nông nghiệp và PTNT giao cho Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương thuộc Viện Chăn nuôi nghiên cứu, chọn lọc gà Ai Cập. Đây là giống gà có tầm vóc thanh nhẹ, năng suất trứng đạt 205-209 quả/mái/năm chất lượng trứng thơm ngon tương đương trứng gà nội, khả năng chống chịu bệnh rất tốt, tự biết kiếm mồi và sử dụng có hiệu quả nhiều nguồn thức ăn, phù hợp với môi trường nuôi chăn thả. Hiện nay gà Ai Cập đã được chuyển giao nuôi rộng rãi ở các địa phương mang lại thu nhập đáng kể cho người nông dân.

Để giúp bạn đọc tham khảo và tổ chức chăn nuôi gà Ai Cập trong gia đình đạt hiệu quả, Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương - Viện Chăn nuôi cho ra mắt cuốn, **“Hướng dẫn kỹ thuật nuôi gà Ai Cập”** gồm những nội dung về đặc điểm sinh học, tính năng sản xuất, kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và các biện pháp thú y phòng trừ bệnh.

Quy trình được biên soạn từ căn cứ kết quả nghiên cứu khoa học và kinh nghiệm thực tiễn của nhiều hộ chăn nuôi, đã được các nhà chuyên môn góp ý nhưng chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Song chúng tôi hy vọng sách sẽ cung cấp thêm cho người chăn nuôi những kỹ thuật có giá trị để nuôi thả vườn giống gà Ai Cập đạt hiệu quả cao nhất.

Chúng tôi trân trọng tiếp thu sự góp ý của độc giả để lần tái bản được hoàn chỉnh hơn.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
GIA CẦM THUY PHƯƠNG

I. ĐẶC ĐIỂM, TÍNH NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ AI CẬP

Gà Ai cập là giống gà thả vườn của Ai cập có năng suất trứng đạt 200 - 220 quả/năm, tỷ lệ lòng đỏ cao, chất lượng trứng thơm ngon, được nhập vào nước ta tháng 4 năm 1997.

Gà Ai cập có tầm vóc nhỏ, nhanh nhẹn, thịt chắc, chân cao, tiết diện hình nêm thể hiện rõ hướng chuyên dụng trứng. Gà có khả năng chịu đựng tốt, thích hợp với nhiều phương thức chăn nuôi.

Bảng 1. Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Sinh sản	Tuổi đẻ 5% (ngày) Tuổi đẻ 50% (ngày) Sản lượng trứng/1 năm đẻ (quả)	140- 145 163 - 175 200 - 220
Phôi, ấp nở	Tỷ lệ trứng giống (%) Tỷ lệ phôi (%) Tỷ lệ nở/tổng trứng (%)	95 - 97 95 - 99 91 - 93
Khối lượng cơ thể	20 tuần tuổi - trống (g) - mái (g)	1.800 1.450
Tỷ lệ nuôi sống	Giai đoạn 0-20 tuần tuổi (%) Giai đoạn đẻ (%)	95 - 97 94 - 95
Tả bình quân	Giai đoạn đẻ (g/ngày) 10 quả trứng giống (kg)	100 - 120 1,95 - 2.0

II. KỸ THUẬT NUÔI GÀ AI CẬP

1. Giai đoạn gà con 0 - 9 tuần tuổi

1.1. Chuẩn bị dụng cụ và chuồng trại

*** Chuồng trại**

Chuồng trại và dụng cụ nuôi phải được cọ rửa sạch sẽ, để trống chuồng trước khi nuôi 15-20 ngày và phải được xử lý theo đúng qui định về vệ sinh phòng dịch, tường quét nước vôi với nồng độ 40%, nền chuồng được tiêu độc bằng dung dịch xút 2% (NaOH) với liều lượng 1 lít/m² hoặc bằng các loại thuốc sát trùng khác.

Trước khi thả gà 1 ngày phun tẩy uế lại bằng dung dịch formalin 3% (hoặc các loại thuốc sát trùng khác) sau đó đóng kín cửa lại. Sau khi phun 5 giờ mở cửa cho thông thoáng bay hết mùi rồi mới cho gà vào

*** Máng ăn**

2 tuần đầu dùng mẹt hoặc khay tôn (kích thước 60 x 80 cm, chiều cao 2-3 cm, cho 80-100 gà). Từ tuần tuổi thứ 3 trở đi dùng máng ăn:

Có hai loại máng ăn: máng tròn và máng dài

Máng dài có thiết diện hình thang, đáy nhỏ từ 5-8 cm, miệng rộng từ 7-13 cm, chiều dài của máng 1-1,5 m, cao 4-8 cm, có đế vững chắc tránh rơi vãi thức ăn.

- Máng tròn có thể bằng nhựa hoặc bằng tôn.

*** Máng uống**

- Máng tròn (gallon) gồm phần đáy và thân lắp vào nhau, làm bằng nhựa, thể tích máng tùy theo loại gà: gà con 1,5-2 lít, gà dò và gà sinh sản 4-8 lít.

- Máng dài có độ dài tương đương với máng ăn nhưng thiết diện nhỏ hơn.

*** Chụp sưởi**

Gà con sau khi nở chưa có khả năng điều tiết thân nhiệt, do đó phải có hệ thống lò sưởi để cung cấp

nhệt độ cho gà đến khi chúng có khả năng điều tiết được thân nhiệt phù hợp nhiệt độ môi trường, có thể sưởi bằng điện (dây mayso và chụp sưởi) hoặc bằng đèn hồng ngoại. Tuỳ theo số lượng gà con 1 ngày tuổi, nhiệt độ chuồng nuôi mà bố trí hệ thống sưởi cho hợp lý.

*** Rèm che**

Dùng vải bạt che bên ngoài lưới thép để giữ nhiệt độ chuồng nuôi và tránh gió lùa hoặc có thể dùng cát ép hay phen liếp.

*** Quây gà**

Làm bằng cát ép, tấm nhựa hoặc lưới sắt, chiều cao 50-60 cm, đường kính 2-2,5 m. Quây gà dùng để úm gà con trong 14 ngày đầu, mỗi quây như vậy có thể nhốt 150-200 gà một ngày tuổi.

*** Độn chuồng**

Phải có khả năng hút ẩm, có thể dùng phoi bào, trấu, cỏ khô hoặc rơm khô băm nhỏ. Chất độn chuồng phải được phơi khô, phun sát trùng bằng foocmol 2%.

Giai đoạn gà con được tính từ 1-63 ngày tuổi, ở giai đoạn này các cơ quan phủ tạng nhất là bộ máy tiêu hoá chưa hoàn thiện, dạ dày cơ chưa tiêu hoá được các loại thức ăn xơ cứng, men tiêu hoá chưa đầy

đủ, đặc biệt thời kỳ gà con rất nhạy cảm với điều kiện bên ngoài vì vậy phải tạo điều kiện tốt để gà phát triển nhanh và khoẻ mạnh.

1.2. Chọn gà con giống

Chọn những con nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn, chân mập, khối lượng gà 30 - 32 g là đạt yêu cầu. Tránh chọn những con khô chân, vẹo mỏ, khèo chân, hở rốn.

1.3. Nhiệt độ, ẩm độ và thông thoáng

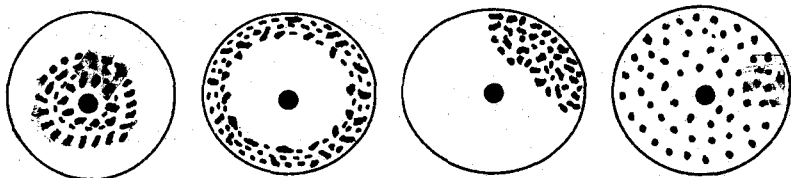
Gà con không tự điều chỉnh thân nhiệt một cách hoàn hảo trong hai tuần đầu, do đó các bệnh đường hô hấp, tiêu hoá dễ phát sinh khi ẩm độ môi trường lên cao, vì vậy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tỷ lệ nuôi sống và khả năng sinh trưởng.

Bảng 2. Yêu cầu về nhiệt độ và ẩm độ

Tuần tuổi	Nhiệt độ trong nhà (°C)	Nhiệt độ chụp sưởi (°C)	Độ ẩm tương đối (%)
1	26 - 27	32 - 33	60 - 70
2	25 - 26	31 - 32	
3	23 - 24	30 - 31	
4	22 - 23	28	
5	21 - 22	26	
> 5	20 - 21	25 - 26	

Khi đủ ấm, gà nằm nghỉ rải đều từng tốp 3 - 5 con, khi thiếu nhiệt gà dồn chồng chồng lên nhau, nếu thừa nhiệt, gà tản xa nguồn nhiệt, nháo nhác và khát nước.

Chuồng nuôi phải đảm bảo thông thoáng, nhưng tránh gió lùa.



Thiếu nhiệt

Thừa nhiệt

Gió lùa

Đủ nhiệt

Gà con cần chiếu sáng 24/24 giờ trong 3 tuần đầu, sau 4 - 6 tuần, giảm dần đến 16 giờ, từ tuần 7 - 9 tuần lợi dụng ánh sáng tự nhiên, đảm bảo cường độ ánh sáng 3 w/m² là đủ.

1.4. Nước uống

Cần phải cho gà uống nước sạch, tốt nhất pha 5% đường glucoza vào nước cho gà uống trong những ngày đầu. Nước cho gà uống phải ấm. Sử dụng máng nước kiểu tự động giúp cho gà uống thuận tiện, không

bị rơi vãi làm ướt chuồng. Chỉ cho gà ăn sau khi đã cho uống. Nếu thời gian chuyển gà càng lâu càng cần nhiều thời gian cho gà uống, sau khi thả gà vào quây trong 3 - 4 giờ đầu chỉ cho uống nước, chưa cho ăn.

1.5. Thức ăn

Thức ăn phải được phối chế cân đối đảm bảo đủ dinh dưỡng cho nhu cầu phát triển của gà trong giai đoạn. Khẩu phần ăn có thể phối chế đa nguyên liệu, sử dụng thức ăn bổ sung đậm động vật, thực vật, premix khoáng vi lượng và vitamin.

Không sử dụng nguyên liệu bị mốc hoặc bột cá có hàm lượng muối (NaCl) cao, sử dụng đồ tương phải được rang chín gà mới tiêu hoá được.

Trong 2 tuần đầu dùng khay ăn để cho gà ăn, mỗi lượt cho gà ăn chỉ cho lượng thức ăn vừa đủ. Một ngày đêm cho ăn 9-10 lượt để thức ăn luôn mới, thơm, hấp dẫn tính ngon miệng và tránh lãng phí.

Bảng 3. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà con (0-9 tuần tuổi)

Chỉ tiêu	Gà con	
	0-5 tuần	6-9 tuần
Năng lượng (Kcal/kg TA)	2900	2850
Protein (%)	21,00	18,00
Can xi (%)	1,20	1,10
Phot pho (%)	0,65	0,65
Methionin (%)	0,42	0,36
Lizin (%)	1,10	0,95
Chế độ nuôi dưỡng và khối lượng cơ thể gà mái		
0 - 6 tuần	Cho ăn tự do	
7 tuần	Ăn tự do đến 12h đêm	500 g
8 tuần	Ăn tự do đến 8h tối	580 g
9 tuần	Cắt điện hoàn toàn	670 g

1.6. Mật độ

Đảm bảo mật độ 15 - 20 con/m².

Ngoài ra cũng có thể nuôi theo phương thức chăn thả. Đối với phương thức nuôi chăn thả thì các khâu chuẩn bị chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, chọn gà giống 1 ngày tuổi, nhiệt độ ẩm độ, ... cũng giống như nuôi theo phương thức nhốt hoàn toàn. Đối với

phương thức này cần có thêm vườn rộng để thả gà ở tất cả các giai đoạn. Mùa hè (4-5 tuần) mùa đông (7-8 tuần) chọn ngày đẹp trời thả gà ra ngoài 2-3 tiếng cho tập làm quen với môi trường trong vòng 3-5 ngày rồi mới thả cả ngày

Gà thả ra thường sẽ tự kiếm thêm mồi (sâu, bọ, giun, dế, thóc rơi, ...). Ngoài ra bổ sung thêm rau xanh, cỏ, cơm nguội thừa, củ quả,... như vậy sẽ rút đi 20-25% lượng thức ăn phải đầu tư so với phương thức nuôi nhốt tùy theo lượng thức ăn sẵn có. Mặt khác nuôi gà theo phương thức chăn thả, gà được vận động nhiều sẽ tăng cường sức khỏe.

2. Giai đoạn gà dò, gà hậu bị (10-21 tuần tuổi)

Giai đoạn này liên quan chặt chẽ đến khả năng sinh sản do vậy cần thực hiện nghiêm túc chế độ chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo đàn giống duy trì sức khỏe tốt, mức độ đồng đều cao.

- + Thực hiện cho gà ăn hạn chế với thức ăn có mức dinh dưỡng thấp tránh để gà béo sẽ dẫn đến ảnh hưởng về khả năng sinh sản sau này.

- + Tuân thủ mức ăn và khối lượng cơ thể được hướng dẫn theo các tuần tuổi.

Bảng 4. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn gà dò, hậu bị (10 - 21 tuần)

Chỉ tiêu	Gà dò	Gà hậu bị
	10-17 tuần	18-21 tuần
Năng lượng (Kcal/kg TA)	2750	2750
Protein (%)	14,50	17,00
Can xi (%)	1,10	2,70
Phot pho (%)	0,60	0,75
Methionin (%)	0,32	0,40
Lizin (%)	0,80	1,00

Bảng 5. Khối lượng cơ thể và định mức ăn cho gà mái giai đoạn gà dò, hậu bị

Tuần tuổi	Khối lượng cơ thể (g)	Thức ăn/con/ngày (g)
10	730	60
11	850	60
12	950	65
13	1.020	65
14	1.100	70
15	1.180	70
16	1.230	75
17	1.280	75
18	1.350	80
19	1.400	85
20	1.450	90
21	1.500	95

Để cho đàn gà đồng đều khi cho ăn hạn chế cần đảm bảo 10-12 con/máng đối với máng dài, máng tròn 15-16 con/máng. Máng uống 10-12 con/máng. Mật độ nuôi 7-8 con/m².

+ Độn chuồng: Cần đảm bảo dày 6-7 cm.

+ Ánh sáng: Sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Lưu ý:

- Cần ngăn chặn các hiện tượng mổ cắn nhau, nguyên nhân chủ yếu do gà không được ăn đầy đủ về dinh dưỡng (chẳng hạn thiếu vitamin hoặc muối), thừa ánh sáng, mật độ nuôi dày, chuồng ngột ngạt. Những nguyên nhân trên cần xác định sớm, những con hay mổ cắn cần phải tách khỏi đàn nhốt riêng, bởi rất khó loại bỏ được tập tính mổ cắn nhau nếu nó trở thành thói quen của đàn, những con bị mổ cũng cần được tách riêng và dùng Xanh metylen bôi vào vết mổ cắn.

- Giai đoạn này có thể kết hợp nuôi chăn thả để gà tận dụng thêm thức ăn sẵn có trong tự nhiên, gà được vận động nhiều tăng cường sức khỏe.

- Giai đoạn này liên quan chặt chẽ đến khả năng sinh sản của đàn gà do vậy cần chú ý đến sức khỏe của đàn gà và mức độ đồng đều cao thì gà vào đẻ mới tốt, gà được vận động nhiều sẽ tiêu hao nhiều năng lượng do đó tránh được hiện tượng tích mỡ, ảnh hưởng

tối khả năng sinh sản. Nếu nuôi thả lượng thức ăn phải cung cấp cho gà giai đoạn này bằng 60 - 70% so với nuôi nhốt hoàn toàn.

- Gà thả vườn sẽ tận dụng thức ăn sẵn có và thức ăn rơi vãi tránh lãng phí, mặt khác gà vận động nhiều sẽ tăng cường sức khỏe.

- Đến 18-21 tuần tuổi nếu đàn gà chậm phát dục thì tăng thêm lượng thức ăn bổ sung và các vitamin ADE để bồi dưỡng cho đàn gà vào đẻ tốt.

- Kết quả cuối cùng của giai đoạn này là tỷ lệ gà chọn vào đẻ cao, sức khỏe tốt.

3. Giai đoạn sinh sản (>21 tuần tuổi)

3.1. Chuồng nuôi

Phải đảm bảo sạch sẽ, độn chuồng dày 8-10 cm bằng phoi bào hoặc trấu, có rèm che để tránh mưa hắt.

Ổ đẻ đổ trấu hoặc phoi bào mới dày 10-12 cm, tránh để ánh sáng chiếu trực tiếp vào ổ đẻ.

3.2. Ánh sáng

Giai đoạn này ngoài ánh sáng tự nhiên (10- 12giờ/ngày) cần phải bổ sung thêm ánh sáng bằng cách lắp điện vào buổi tối hoặc sáng sớm sao cho đạt 16 giờ

chiếu sáng/ngày với cường độ chiếu sáng $3\text{w}/1\text{m}^2$ chuồng nuôi (một bóng điện công suất 60W treo cao 2m cho 20m^2 nền chuồng).

3.3. Chọn lọc gà và mật độ nuôi

Chọn gà mái lên để biểu hiện phát dục bằng độ sáng bóng của lông, mào, tích, bộ lông áp sát vào thân, không đưa gà khuyết tật lên đẻ. Mật độ nuôi 5-6 con/ m^2 .

3.4. Thức ăn

Bảng 6. Chế độ dinh dưỡng giai đoạn sinh sản

Chỉ tiêu	> 21 tuần
Năng lượng (Kcal/kg TA)	2750
Protein (%)	17,50
Can xi (%)	3,35
Phot pho (%)	0,85
Methionin (%)	0,42
Lizin (%)	1,10

- Thức ăn cần đảm bảo chất lượng tốt, không ôi mốc, đặc biệt cần bổ sung bột đá, bột vỏ sò nhiều gấp 2-3 lần các giai đoạn trước để gà tạo vỏ trứng, có thể sử dụng 8-10 % thóc mầm trong thức ăn để đảm bảo khả năng sinh sản và tỷ lệ phôi.

- Khi thời tiết mát gà ăn được lượng thức ăn nhiều hơn do vậy chỉ cần protein trong khẩu phần là 17%, mùa hè trời nóng gà ăn ít vì vậy cần tăng lượng protein lên 17,5% để đảm bảo nhu cầu protein trong quá trình tạo trứng.

- Ở tuần tuổi này gà bắt đầu vào đẻ. Nếu nuôi chăn thả thì lượng thức ăn bổ sung cho đàn gà bằng 85-90% lượng thức ăn hàng ngày so với phương thức nuôi nhốt. Thức ăn được chia làm 2 lần/ngày sáng và chiều, giai đoạn này cần bổ sung thêm nhiều rau xanh cho gà để tăng thêm vitamin trong khẩu phần.

- Nước uống phải thường xuyên đủ và sạch, mỗi ngày thay nước 2-3 lần.

- Khi gà đẻ đạt đỉnh cao cần bổ sung các loại vitamin vào nước uống.

- Thu trứng mỗi ngày 3-4 lần để đảm bảo trứng sạch và tránh bị dập vỡ.

*** Lưu ý:**

Đối với phương thức nuôi thả cũng phải áp dụng qui trình phòng bệnh như nuôi nhốt ngoài ra chú ý tẩy giun sán cho gà 4-5 tháng/lần.

Vào những ngày mưa ẩm không nên thả vì gà sẽ dễ bị nhiễm bệnh.

3.5. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng, tiêu tốn thức ăn giai đoạn sinh sản

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Năng suất trứng/mái cộng dồn (quả)	TĂ/con/ngày (g)
20	5,25	0,37	95
21	12,50	1,25	95
22	38,49	3,94	100
23	45,06	7,09	100
24	53,95	10,87	105
25	58,56	14,97	105
26	66,81	19,65	110
27	69,79	24,54	110
28	70,69	29,49	115
29	71,67	34,51	115
30	72,95	39,62	120
31	78,01	45,08	120
32	75,00	50,33	120
33	74,49	55,40	120
34	73,43	60,54	115
35	72,37	65,60	115
36	69,31	70,45	110
37	69,05	75,29	110
38	68,60	80,09	110
39	68,19	84,86	110

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Năng suất trứng/mái cộng dồn (quả)	TĂ/con/ngày (g)
40	68,06	89,63	105
41	67,18	94,33	105
42	66,56	98,99	105
43	65,26	103,56	105
44	65,24	108,12	105
45	64,62	112,65	105
46	63,79	117,11	105
47	61,58	121,42	105
48	61,49	125,73	100
49	59,83	129,91	100
50	59,09	134,05	100
51	56,89	138,03	100
52	55,95	141,95	100
53	55,58	145,84	100
54	55,24	149,71	100
55	54,82	153,54	100
56	53,58	157,29	100
57	53,50	161,04	100
58	53,46	164,78	100
59	53,03	168,49	100
60	52,72	172,18	100
61	52,48	175,86	100

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)	Năng suất trứng/mái cộng dồn (quả)	TĂ/con/ngày (g)
62	52,15	179,51	100
63	52,08	183,15	100
64	51,82	186,78	100
65	50,75	190,33	100
66	50,63	193,88	100
67	50,16	197,39	100
68	50,02	200,89	100
69	48,36	204,28	100
70	45,23	207,44	100
71	43,22	210,47	100
72	42,17	213,42	100
Trung bình	57,82	213,42	
Tổng (kg)			38,78

III. MỘT SỐ KHẨU PHẦN THỨC ĂN THAM KHẢO

1. Giai đoạn 0-5 tuần tuổi:

Giai đoạn này có thể cho sử dụng các loại thức ăn hỗn hợp ăn thả hoặc đậm đặc phối trộn với thức ăn sẵn có tại địa phương như ngô, cám, gạo, ... dành cho gà lông màu của hãng Cargil, Proconco, CP, Guyomar'ch,

2. Giai đoạn 6-9 tuần tuổi

Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ
Ngô (%)	55
Thóc (%)	10
Cám tẻ (%)	5
Proconco C25 (%)	30
Tổng cộng (%)	100
Giá trị dinh dưỡng	
Protein (%)	17,92
Năng lượng (kcal/kg TA)	2860
Canxi (%)	1,14
Phot pho (%)	0,67
Lizin (%)	1,01
Methionin (%)	0,40

3. Giai đoạn 10-17 tuần tuổi

Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ
Ngô (%)	51
Thóc (%)	16
Cám tẻ (%)	12,5
Proconco C25 (%)	19,5
Bột đá (%)	1
Tổng cộng (%)	100
Giá trị dinh dưỡng	
Protein (%)	14,56
Năng lượng (kcal/kg TA)	2780
Canxi (%)	1,10
Phot pho (%)	0,54
Lizin (%)	0,82
Methionin (%)	0,34

4. Giai đoạn 18-21 tuần tuổi

Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ
Ngô (%)	50
Thóc (%)	8
Cám tẻ (%)	9
Proconco C21 (C210) (%)	33
Tổng cộng (%)	100
Giá trị dinh dưỡng	
Protein (%)	16,96
Năng lượng (kcal/kg TA)	2751
Canxi (%)	2,96
Phot pho (%)	0,78
Lizin (%)	0,96
Methionin (%)	0,40

5. Giai đoạn >21 tuần tuổi

Thành phần nguyên liệu	Tỷ lệ
Ngô (%)	50
Thóc (%)	8
Cám tẻ (%)	7
Proconco C21 (C210) (%)	35
Tổng cộng (%)	100
Giá trị dinh dưỡng	
Protein (%)	17,44
Năng lượng (kcal/kg TA)	2760
Canxi (%)	3,83
Phot pho (%)	0,83
Lizin (%)	0,99
Methionin (%)	0,41

IV. KHUYẾN CÁO LỊCH DÙNG VACCINE PHÒNG BỆNH CHO GÀ AI CẬP

1. Sử dụng cho vùng an toàn đối với bệnh Gumboro và Newcastle

Ngày tuổi	Loại vaccine	Loại bệnh phòng - đường dùng vaccine
1	Marek	Phòng Marek (Trung tâm đã tiêm phòng)
7	G98	Phòng bệnh Gumborolần 1. Nhỏ mắt, mũi
10	IB-ND; Đậu	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle lần 1. Nhỏ mắt, mũi. Đậu chủng ở màng cánh
16 - 18	228 E	Phòng bệnh Gumboro lần 2. Nhỏ mắt, mũi
20 - 22	IB – ND	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm lần 2. Nhỏ mắt, mũi
35	H1	Phòng bệnh Newcastle. Tiêm dưới da
42	Laryngo	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm lần 1. Nhỏ mắt, mũi
98 - 100	Laryngo	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm lần 2. Nhỏ mắt, mũi
115 - 120	Cevac - Đậu	Phòng bệnh Newcastle và hội chứng phù đầu. Tiêm dưới da. Đậu chủng ở màng cánh

2. Sử dụng cho vùng không an toàn đối với bệnh Gumboro và Newcastle

Ngày tuổi	Loại vaccine	Loại bệnh phòng - đường dùng vaccine
1	Marek	Phòng Marek (Trung tâm đã tiêm phòng)
1 - 3	IB - ND	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm, Newcastle lần 1. Nhỏ mắt, mũi
7	Gumboro (D_{78}) Đậu	Phòng bệnh Gumboro lần 1. Nhỏ miệng Chủng ở màng cánh
14	Gumboro (28E)	Phòng bệnh Gumboro lần 2. Nhỏ mắt, mũi
18 - 20	IB - ND	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm lần 2. Nhỏ mắt, mũi
35	Newcastle	Phòng bệnh Newcastle. Tiêm dưới da
42	Laryngo	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm lần 1. Nhỏ mắt, mũi
98 - 100	Laryngo	Phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm lần 2. Nhỏ mắt, mũi
115 - 120	Cevac - Đậu	Phòng bệnh Newcastle và hội chứng phù đầu. Tiêm dưới da. Đậu chủng ở màng cánh

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	3
I. Đặc điểm, tính năng sản xuất của gà Ai Cập	5
II. Kỹ thuật nuôi gà Ai Cập	6
1. Giai đoạn gà con 0-9 tuần tuổi	6
1.1. Chuẩn bị dụng cụ và chuồng trại	6
1.2. Chọn gà con giống	9
1.3. Nhiệt độ, ẩm độ và thông thoáng	9
1.4. Nước uống	10
1.5. Thức ăn	11
1.6. Mật độ	12
2. Giai đoạn gà dồ, gà hậu bị (10-21 tuần tuổi)	13
3. Giai đoạn sinh sản (> 21 tuần tuổi)	16
3.1. Chuồng nuôi	16
3.2. Ánh sáng	16
3.3. Chọn lọc gà và mật độ nuôi	17
3.4. Thức ăn	17
3.5. Tỷ lệ đẻ, năng suất trứng, tiêu tốn thức ăn giai đoạn sinh sản	19

III. Một số khẩu phần thức ăn tham khảo	21
1. Giai đoạn 0-5 tuần tuổi	21
2. Giai đoạn 6-9 tuần tuổi	22
3. Giai đoạn 10-17 tuần tuổi	22
4. Giai đoạn 18-21 tuần tuổi	23
5. Giai đoạn > 21 tuần tuổi	23
IV. Khuyến cáo lịch dùng vaccine phòng bệnh cho gà Ai Cập	24
1. Sử dụng cho vùng an toàn đối với bệnh Gumboro và Newcastle	24
2. Sử dụng cho vùng không an toàn với bệnh Gumboro và Newcastle	25

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT NUÔI GÀ AI CẬP

Chịu trách nhiệm xuất bản

LÊ VĂN THỊNH

Biên tập, sửa chữa bản in

NGUYỄN BÍCH PHƯỢNG

Trình bày bìa

LINH TOÀN

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: (04) 8523887 - 8521940 - 8524501

FAX: (04) 5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8297157 - 8299521

FAX: (08) 9101036

In 2000 bản, khổ 13x19, tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp. Giấy phép xuất bản số 9/1028 do Cục Xuất bản cấp ngày 10/9/2002. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2002.